

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG
Năm học 2023 – 2024

A. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Căn cứ Thông tư 32/2018/TT- BGDDT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT, ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ Trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư số 20/2021/TT-BGDĐT ngày 01/7/2021 của Bộ GD&ĐT sửa đổi, bổ sung Điều 3 Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GDĐT ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ Công văn số 3280/BGDĐT-GDTrH ngày 27/8/2020 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn điều chỉnh nội dung dạy học cấp THCS, THPT;

Căn cứ Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH, ngày 18/12/2020 của Bộ Giáo dục-Đào tạo về xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường;

Căn cứ Khung kế hoạch thời gian năm học 2023 - 2024 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên được UBND tỉnh Quảng Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1664/QĐ-UBND ngày 08/8/2023;

Căn cứ vào những kết quả đạt được và tình hình thực tế của nhà trường trong năm học 2023 – 2024, Trường THCS Trần Hưng Đạo xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2023 – 2024, cụ thể như sau:

B. BỐI CẢNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

I. Bối cảnh bên ngoài:

1. Thời cơ:

Nhà trường thuộc địa bàn xã đồng bằng, kinh tế xã hội của địa phương phát triển ổn định và có nhiều chuyển biến tích cực, đời sống nhân dân ngày càng được nâng cao nên việc đầu tư, chăm lo cho việc học của con em ngày càng được quan tâm.

Địa phương có diện tích không quá rộng, sống tập trung, trường được đặt ở vị trí trung tâm nên rất thuận lợi cho việc đi lại học tập của học sinh.

Trình độ dân trí của địa phương ngày càng được nâng cao nên có sự quan tâm nhiều hơn của phụ huynh đối với công tác dạy học, giáo dục của nhà trường.

Các chủ trương chính sách về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo cũng như việc triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2018 đã dần đi vào cuộc sống giúp nâng cao nhận thức và hành động của mọi người.

Công tác giáo dục của nhà trường luôn có sự quan tâm của của Đảng uỷ, chính quyền, các ban ngành đoàn thể địa phương, đặc biệt có luôn có được sự chỉ đạo của Phòng GDĐT huyện Đại Lộc cũng như các ban ngành, đoàn thể của UBND huyện Đại Lộc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất đáp ứng đảm bảo nhu cầu xây dựng và phát triển của Nhà trường.

2. Thách thức:

Kinh tế địa phương tuy có ổn định, có phát triển nhưng chưa cao, công ăn việc làm và thu nhập của người dân trong vùng vẫn còn khó khăn.

Những mặt trái của cơ chế thị trường hiện nay vẫn đang ảnh hưởng không tốt đến ngành giáo dục nói chung và nhà trường nói riêng. Vẫn còn khá nhiều CMHS thiếu nhiệt tình trong việc phối hợp với nhà trường để giáo dục con em.

Quy mô phát triển kinh tế, dân số địa phương trong những năm đến thuộc vùng tuyến sinh của nhà trường sẽ là áp lực về số học sinh vào trường trong tương lai gần.

Thiết bị dạy học của nhà trường còn thiếu thốn khá nhiều. Cụ thể như: thiếu hóa chất, không đủ dụng cụ để dạy thực hành thí nghiệm bộ môn Hóa học, Vật lý, Sinh học, Công nghệ.

II. Bối cảnh bên trong:

1. Điểm mạnh của nhà trường:

a) Truyền thống nhà trường

Nhà trường có bề dày truyền thống với gần 28 năm xây dựng và phát triển, học sinh giỏi cấp huyện hàng năm luôn ở tốp dẫn đầu trong toàn huyện.

b) Nguồn lực

Cơ sở vật chất hiện tại của nhà trường đáp ứng được nhu cầu tối thiểu cho hoạt động dạy học (bàn ghế, máy tính, phòng thực hành thí nghiệm, sân chơi bãi tập đảm bảo cho việc học chính khóa); Nhà trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 và đạt KĐCLGD cấp độ 3 vào tháng 7 năm 2022.

c) Đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý

Tổng số CB, GV, NV biên chế : 38 người, trong đó CBQL: 02; GV: 30; TPT Đội: 01; NV: 05. Trình độ chuyên môn của CBQL và giáo viên đều đạt CĐSP và ĐH trong đó ĐH là 30/33, chiếm 90,9%. Số NV còn lại đều đạt trình độ Cao đẳng và Trung cấp.

Cơ cấu, phân bổ đội ngũ giáo viên cho các môn học tương đối đảm bảo cho việc dạy học trong nhà trường. Tất cả CB, GV, NV đều có phẩm chất đạo đức tốt, luôn nhiệt tình với công việc, tập thể giáo viên luôn tâm huyết với nghề, có năng lực sư phạm và chuyên môn tốt.

d) Học sinh

Tổng số học sinh 648 em/18 lớp, học sinh nhà trường có truyền thống chăm ngoan, hiếu học, tích cực trong các hoạt động của nhà trường. Đa số học

sinh có năng lực, phẩm chất tốt, nhiều em đạt danh hiệu học sinh giỏi, đạt nhiều giải cao qua các kỳ thi học sinh giỏi và hội thi các cấp.

2. Điểm yếu của nhà trường:

a) Nguồn lực

Nhiều bàn, ghế học sinh đã cũ, phòng học bộ môn Công nghệ chưa trang bị đầy đủ, phòng tiếng Anh thiếu thiết bị dạy và học. Kinh phí hoạt động hàng năm là từ nhà nước cấp chủ yếu dùng để chi lương cho giáo viên, kinh phí chi khác rất hạn chế nên việc mua sắm trang thiết bị dạy học để đáp ứng Chương trình GDPT năm 2018 là chưa thật sự đảm bảo yêu cầu.

b) Đội ngũ giáo viên

Tuổi đời trung bình khá cao, có 03 GV chưa đạt chuẩn theo quy định tại Luật Giáo dục 2019. Số giáo viên dạy giỏi cấp huyện, cấp tỉnh trong những năm qua chưa tương xứng với thực lực của đội ngũ. Một số ít giáo viên tiếp cận ứng dụng các phần mềm giảng dạy, soạn thảo văn bản còn hạn chế.

c) Học sinh

Năng lực tiếp thu không đồng đều. Hoàn cảnh gia đình của một số em còn khó khăn, thiếu sự quan tâm của phụ huynh đến việc học tập và rèn luyện của con em. Một số ít học sinh có nhận thức chưa cao, thiếu động lực và ý thức phấn đấu vươn lên trong học tập, rèn luyện.

III. Định hướng xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường

Tiếp tục xây dựng được môi trường giáo dục lành mạnh, kỷ cương, nề nếp, văn hóa nhà trường theo hướng “*Trường học hạnh phúc*” để phát huy được năng lực, phẩm chất riêng của mỗi cá nhân.

Trang bị đầy đủ cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, đội ngũ giáo viên cho việc triển khai thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Thực hiện tốt quyền tự chủ của nhà trường trong việc thực hiện kế hoạch giáo dục theo thông tư 32/2018/TT-BGD&ĐT.

Xây dựng nhà trường có uy tín cao, hiệu quả tốt về chất lượng giáo dục, là mô hình phù hợp với vùng nông thôn mới, tiếp cận kịp thời với nền giáo dục hiện đại, phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

C. NỘI DUNG THỰC HIỆN

I. Nhiệm vụ chung:

Chủ đề năm học 2023-2024: “*Đoàn kết, kỷ cương, sáng tạo, tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo*”.

1. Triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông (GDPT) ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGD&ĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT (Chương trình GDPT 2018) đối với lớp 6, lớp 7 và lớp 8; tiếp tục thực hiện Chương trình GDPT ban hành kèm theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 05/5/2006 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT (Chương trình GDPT 2006) đối với lớp 9; bảo đảm thực hiện và hoàn thành chương trình năm học; củng cố và nâng cao chất lượng giáo dục.

2. Tiếp tục thực hiện công tác quy hoạch phát triển mạng lưới trường, lớp, đội ngũ nhà giáo và CSVC, thiết bị dạy học đảm bảo yêu cầu thực hiện Chương trình GDPT 2018; nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục THCS; thực hiện hiệu quả công tác giáo dục hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS.

3. Tăng cường thực hiện chuyển đổi số, đổi mới cơ chế quản lý giáo dục; thực hiện quản trị trường học dân chủ, kỷ cương, nền nếp, chất lượng và hiệu quả giáo dục.

4. Tăng cường đổi mới PPDH và kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh; đa dạng hóa các hình thức giáo dục, đẩy mạnh các hoạt động trải nghiệm, nghiên cứu khoa học của học sinh, triển khai ứng dụng công nghệ số trong hoạt động dạy và học.

5. Tăng cường bồi dưỡng đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình GDPT 2018; chú trọng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên, bảo đảm đủ giáo viên theo môn học để tổ chức dạy học; đẩy mạnh việc đổi mới sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học. Tập trung nâng cao chất lượng đại trà và chất lượng mũi nhọn.

6. Tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh; bảo đảm an toàn trường học, chủ động, linh hoạt thực hiện kế hoạch năm học, chủ động phòng, chống và ứng phó hiệu quả với thiên tai, dịch bệnh.

7. Tích cực tham mưu với các cấp lãnh đạo, huy động các nguồn lực để xây dựng và phát triển, hoàn thiện và bổ sung CSVC nhằm đáp ứng tốt về nhu cầu trang thiết bị phục vụ cho các hoạt động giáo dục của nhà trường.

II. Nhiệm vụ cụ thể:

1. Phát triển mạng lưới trường, lớp, học sinh; đội ngũ CB-GV-NV; tăng cường đầu tư CSVC, thiết bị dạy học, tiếp tục phát huy, giữ vững trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục và trường đạt chuẩn Quốc gia

1.1. Mạng lưới trường, lớp, học sinh

Khối lớp	Số hs/lớp cuối năm trước (2022-2023)	Số sau thi lại lên lớp	Biến động trong hè 2023					Số đầu năm học 2023-2024					HSKT hòa nhập
			ch/đến (tuyển mới)	Huy động lại	Lưu ban	Ch/đi (chết)	Bỏ học	Số lớp	Số học sinh	Số hs nữ	Số HS/lớp	Số học 2 buổi/ngày	
6	162/4	209	209	-	-	-	-	6	209	107	34,83	0	0
7	96/3	163	2	-	1	3	-	4	162	81	40,75	0	0
8	178/5	99	3	-	4	-	4	3	98	40	32,67	0	0
9	166/4	174	2	-	-	1	-	5	175	84	35,00	0	0
TC	602/16	645	216	0	5	4	4	18	644	312	35,83	0	0

1.2. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên. Tổng số: **41** (Biên chế: **38**)

* Chia ra: BGH (02), GV+ TPT (31), NV(05) + BV(HĐ): 01, GV(HĐ): 02

a) Số lượng giáo viên ở từng môn:

TT	Môn	TSGV (01/9/ 2023)	Trong đó						
			Số GV biên chế +TPT	Số GV hợp đồng thỉnh giảng	Số GV dạy kiêm nhiệm	Trình độ chuyên môn			
						> ĐH	ĐH	CĐ	TC
1	Ngữ Văn	5	5	0			5		
2	Toán	5	5	0			4	1	
3	GDCD	0	0	0			0		
4	Vật Lý	2	2	0			2		
5	Hóa học	2	1	1			1	1	
6	Sinh học	2	2	0			2		
7	Lịch sử	1	1	0			1		
8	Địa lí	3	2	1			3		
9	C. nghệ	2	2	0			2		
10	Thể dục	2	2	0			1	1	
11	Ngoại ngữ	4	4	0			4		
12	Tin học	3	3	0			3		
13	Âm nhạc	1	1	0			1		
14	Mỹ Thuật	1	1	0			1		
TS		33	31	2			0	30	3
	Tỉ lệ GV/lớp	1,83							

b. Cán bộ quản lý, nhân viên

TT	Tổ văn phòng	Số lượng		Đăng viên	Trong đó:					
					Biên chế (cơ hữu)	Hợp đồng	Trình độ			
		T.số	Nữ				ĐH	CĐ	TC	Khác
1	Lãnh đạo	2		2	2		2			
2	Kế toán	1	1		1				1	
3	VT-TQ	1	1		1			1		
4	Thư viện	1	1		1		1			
5	TB-THTN	1	1		1				1	
6	Y tế	1	1		1				1	
7	Bảo vệ	1				1				1
Cộng		8	5	2	7	1	3	1	3	1

1.3. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

- Tiếp tục tham mưu với các cấp lãnh đạo đầu tư xây dựng mới 01 nhà đa năng, mua sắm mới bàn, ghế, máy vi tính để bổ sung, các thiết bị dạy học phục vụ cho lớp 8 – Chương trình GDPT 2018, bổ sung đồ dùng dạy học cho lớp 9.

- Phấn đấu xây dựng Thư viện xuất sắc, mua sắm thêm các tài liệu tham khảo phục vụ dạy học lớp 6; 7; 8 - Chương trình GDPT 2018.

- Thực hiện nâng cấp đường truyền internet, mạng Lan, giáo viên đầu tư mua sắm Laptop để đẩy mạnh công tác chuyển đổi số trong nhà trường và nâng cao chất lượng cho các hoạt động dạy học trên lớp.

- 100% GV đăng ký sử dụng có hiệu quả các thiết bị dạy học ở trường, thực hiện đảm bảo các tiết dạy thực hành ở phòng bộ môn theo quy định.

- Thực hiện nâng cấp các trang thiết bị y tế, đảm bảo tốt vệ sinh môi trường trong trường học nhằm bảo đảm sức khỏe cho CB, GV, NV và học sinh; duy trì thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh theo quy định của Bộ Y tế.

- Tiếp tục tham mưu đầu tư nguồn lực để ổn định, giữ vững và phát huy trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2 và trường đạt KĐCLGD cấp độ 3 gắn với chương trình, mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới, rà soát và tự đánh giá các tiêu chuẩn, tiêu chí của trường đạt chuẩn Quốc gia theo quy định.

2. Thực hiện Chương trình GDPT đảm bảo chất lượng và hiệu quả

2.1. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục

* **Thời gian năm học:** Thực hiện 35 tuần.

- Bắt đầu: Từ ngày 05/9/2023; kết thúc học kỳ I trước ngày 15/01/2024; hoàn thành kế hoạch giáo dục học kỳ II trước ngày 27/5/2024; kết thúc năm học trước ngày 31/5/2024.

* **Học kỳ 1:** Từ ngày 05/9/2023 đến ngày 13/01/2024 (bao gồm 18 tuần thực học và tổ chức các hoạt động khác).

* **Học kỳ 2:** Từ ngày 15/01/2024 đến ngày 25/5/2024 (bao gồm 17 tuần thực học và tổ chức các hoạt động khác).

* Chương trình chính khóa các môn học

TT	Môn học	Lớp 6			Lớp 7			Lớp 8			Lớp 9		
		HK1 Số tiết/ tuần	HK2 Số tiết/ tuần	Tổng số tiết CN	HK1 Số tiết/ tuần	HK2 Số tiết/ tuần	Tổng số tiết CN	HK1 Số tiết/ tuần	HK2 Số tiết/ tuần	Tổng số tiết CN	HK1 Số tiết/ tuần	HK2 Số tiết/ tuần	Tổng số tiết CN
1	Ngữ văn	4	4	140	4	4	140	4	4	140	5	5	175
2	Toán	4	4	140	4	4	140	4	4	140	4	4	140
3	Ngoại ngữ 1	3	3	105	3	3	105	3	3	105	3	3	105
4	GD&CD	1	1	35	1	1	35	1	1	35	1	1	35
5	C.Nghệ	1	1	35	1	1	35	2	1	52	1	1	35

TT	Môn học	Lớp 6			Lớp 7			Lớp 8			Lớp 9		
		HK1 Số tiết/ tuần	HK2 Số tiết/ tuần	Tổng số tiết CN	HK1 Số tiết/ tuần	HK2 Số tiết/ tuần	Tổng số tiết CN	HK1 Số tiết/ tuần	HK2 Số tiết/ tuần	Tổng số tiết CN	HK1 Số tiết/ tuần	HK2 Số tiết/ tuần	Tổng số tiết CN
6	Tin học	1	1	35	1	1	35	1	1	35	2	2	70
7	GDTC	2	2	70	2	2	70	2	2	70	2	2	70
8	Nghệ thuật	2	2	70	2	2	70	2	2	70	1	1	35
	ÂN	1	1	35	1	1	35	1	1	35	1	0	18
	MT	1	1	35	1	1	35	1	1	35	0	1	17
9	HĐTN HN	3	3	105	3	3	105	3	3	105	0	0	0
10	GDHN	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,25	0,25	9
11	GDĐP	1	1	35	1	1	35	1	1	35	0	0	0

STT	Môn	Khối	Học Kỳ 1(18 tuần)	Học Kỳ 2(17 tuần)	Tổng số tiết cả năm học
			Số tiết	Số tiết	
12	KHTN				
	Lý	6	1	2	52
		7	2(t.1->8), 1(t.9->18)	1	43
		8	1	2(t.19->24),1(t.25->35)	41
		9	2	2	70
	Hóa	6	1	1(19->26),0(27->35)	26
		7	1	1	35
		8	2(1->13),1(14->17)	1	64
		9	2	2	70
	Sinh	6	2	1(19->26),2(27->35)	62
		7	1(1->8),2(9->18)	2	62
		8	1(1->13),2(14->16)	1(19->24),2(25->34)	35
		9	2	2	70
13	LS-ĐL				
	Lịch Sử	6	1(t.1->9),2(t.10->18)	2(t.19->26),1(t.27->35)	52
		7	2(t.1->9),1(t.10->18)	1(t.19->26), 2(t.27->35)	53
		8	2(t.1->9),1(t.10->18)	1(t.19->26), 2(t.27->35)	53
		9	1	2	52
	Địa Lý	6	2(t.1->9), 1(t.10->18)	1(t.19->26), 2(t.27->35)	53
		7	1(t.1->9), 2(t.10->18)	2(t.19->26), 1(t.27->35)	52
		8	1(t.1->9), 2(t.10->18)	2(t.19->26), 1(t.27->35)	52
		9	2	1	53

2.1.1. Đối với lớp 6, lớp 7, lớp 8- Chương trình GDPT 2018

- Thực hiện theo Chương trình GDPT 2018 ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GD&ĐT, các phụ lục kèm theo Công văn 5512 được sử dụng để tham khảo, cụ thể: xây dựng kế hoạch dạy học các môn học và tổ chức các hoạt động giáo dục của tổ chuyên môn (tham khảo Phụ lục I, II); kế hoạch giáo dục của giáo viên (tham khảo Phụ lục III), kế hoạch bài dạy (tham khảo Phụ lục IV). Linh hoạt điều chỉnh, bổ sung để phù hợp với thực tiễn của nhà trường đã được thống nhất trong đợt tập huấn dạy học lớp 8 Chương trình GDPT 2018.

a) Đối với các môn học Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Giáo dục công dân, Tin học, Công nghệ, Giáo dục thể chất :

- Tiếp tục tổ chức dạy học theo Chương trình GDPT 2018. Kế hoạch dạy học môn học và tổ chức kiểm tra đánh giá thực hiện theo các nội dung đã được thống nhất trong đợt các tập huấn dạy học, đảm bảo phù hợp với thực tiễn của nhà trường.

b) Đối với môn Lịch sử và Địa lý:

- Kế hoạch dạy học được xây dựng theo từng phân môn, mỗi phân môn được bố trí dạy học đồng thời trong từng học kì đã được thống nhất trong các đợt tập huấn dạy học.

- Việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên được thực hiện trong quá trình dạy học theo từng phân môn. Bài kiểm tra, đánh giá định kì được xây dựng bao gồm nội dung phân môn Lịch sử và phân môn Địa lí theo tỉ lệ phù hợp với nội dung, thời lượng dạy học của mỗi phân môn và chủ đề chung đến thời điểm kiểm tra, đánh giá đã được thống nhất trong các đợt tập huấn dạy học. GV được phân công dạy học chủ đề chung, chịu trách nhiệm việc kiểm tra, đánh giá chủ đề chung (gồm đánh giá thường xuyên và định kì).

c) Đối với môn Khoa học tự nhiên:

- Phân công GV dạy học các chủ đề phù hợp với năng lực chuyên môn.

- Kế hoạch dạy học môn học được xây dựng phù hợp với logic sắp xếp các chủ đề của chương trình môn học và điều kiện tổ chức dạy học của nhà trường; thực hiện dạy học theo phương án song song đã được thống nhất trong các đợt tập huấn dạy học.

- Việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên ở mỗi học kì được thực hiện trong quá trình dạy học môn học theo kế hoạch. Bài kiểm tra, đánh giá định kì được xây dựng gồm nội dung của các chủ đề đã thực hiện theo kế hoạch dạy học, bảo đảm tỉ lệ phù hợp với nội dung và thời lượng dạy học đến thời điểm kiểm tra, đánh giá đã được thống nhất trong các đợt tập huấn dạy học.

d) Nội dung giáo dục của địa phương

- Phân công GV dạy học các chủ đề phù hợp với năng lực của giáo viên.

- Kế hoạch dạy học, nội dung giáo dục của địa phương được xây dựng theo từng chủ đề phù hợp với điều kiện tổ chức dạy học của nhà trường và kế hoạch dạy học các môn học có liên quan, tạo thuận lợi cho học sinh liên hệ, vận dụng những kiến thức đã học trong các môn học với thực tiễn tại địa phương.

- GV dạy học chủ đề nào thì thực hiện việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên đối với chủ đề đó theo kế hoạch. Bài kiểm tra, đánh giá định kì được xây dựng phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường, nội dung kiểm tra, đánh giá bao gồm nội dung các chủ đề đã dạy học đến thời điểm kiểm tra, đánh giá.

e) Đối với môn Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp

- Phân công cán bộ quản lí, giáo viên đảm nhận việc tổ chức thực hiện các hoạt động phù hợp với năng lực của cán bộ quản lí, giáo viên.

- Kế hoạch tổ chức các hoạt động được xây dựng phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường; tăng cường phối hợp với cha mẹ học sinh, chính quyền địa phương, các tổ chức, cá nhân có liên quan để tổ chức cho học sinh thực hiện các hoạt động trong và ngoài nhà trường.

- CBQL, giáo viên được phân công tổ chức hoạt động nào thì thực hiện việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên đối với hoạt động đó theo kế hoạch. Bài kiểm tra, đánh giá định kì được xây dựng phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường, nội dung kiểm tra, đánh giá bao gồm nội dung các hoạt động đã thực hiện đến thời điểm kiểm tra, đánh giá.

g) Đối với môn Nghệ thuật

- Thực hiện tổ chức dạy học đồng thời với các nội dung phải bảo đảm tương đương về thời lượng trong từng học kỳ.

- Kế hoạch dạy học được xây dựng phù hợp với điều kiện tổ chức dạy học của nhà trường và kế hoạch giáo dục của giáo viên đã được thống nhất trong các đợt tập huấn dạy học .

- Về việc kiểm tra, đánh giá thì mỗi nội dung Âm nhạc, Mĩ thuật chọn 01 kết quả kiểm tra, đánh giá thường xuyên trong từng học kì; khuyến khích thực hiện kiểm tra, đánh giá định kì thông qua bài thực hành, sản phẩm học tập hoặc dự án học tập. Bài kiểm tra, đánh giá định kì bao gồm hai nội dung Âm nhạc, Mĩ thuật được thực hiện riêng theo từng nội dung tương tự như môn học đánh giá bằng nhận xét; kết quả bài kiểm tra, đánh giá định kì được đánh giá mức Đạt khi cả hai nội dung Âm nhạc, Mĩ thuật được đánh giá mức Đạt.

2.1.2. Đối với lớp 9 – Chương trình GDPT 2006

- Thực hiện Chương trình GDPT 2006 ban hành kèm theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT, ngày 05/5/2006 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; Công văn số 4612/BGDĐT-GDTrH ngày 03/10/2017 hướng dẫn thực hiện chương trình GDPT hiện hành theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh từ năm học 2017-2018.

- Thực hiện dạy học theo hướng dẫn tại Công văn số 3280/BGDĐT-GDTrH ngày 27/8/2020 về việc hướng dẫn điều chỉnh nội dung dạy học cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông. Khi xây dựng kế hoạch dạy học các môn học, giáo viên lưu ý tăng cường hỗ trợ các nội dung theo CTGDPT 2018 để chuẩn bị tốt cho học sinh lớp 9 học lên lớp 10 theo Chương trình GDPT 2018.

- Các tổ chuyên môn thực hiện kế hoạch dạy học, kế hoạch giáo dục, kế hoạch bài dạy đã được xây dựng và thực hiện từ các năm học trước sao cho đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tiễn, đáp ứng yêu cầu hiệu quả các phương pháp dạy học tích cực nhằm phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh; phát huy tính chủ động, sáng tạo của tổ chuyên môn và giáo viên.

- Đối với môn Ngữ văn, thực hiện tốt yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học môn Ngữ văn theo hướng dẫn tại Công văn số 241/PGDDĐT-THCS ngày 12/9/2022 về việc hướng dẫn đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá môn Ngữ văn ở cấp THCS của PhòngGDĐT.

+ 100% giáo viên đều có kế hoạch dạy học, kế hoạch giáo dục, kế hoạch bài dạy đảm bảo đúng quy định, vận dụng sáng tạo dựa trên cơ sở hướng dẫn của bộ phận chuyên môn trung học cơ sở.

+ Mỗi tổ CM chủ động lựa chọn nội dung, xây dựng ít nhất 02 chủ đề dạy học ở mỗi môn học/HK đồng thời xây dựng KHDH phù hợp với chủ đề đã chọn.

2.2. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện

2.2.1. Chất lượng hai mặt giáo dục

Khối	Tổng số HS	CHỈ TIÊU HỌC TẬP							
		Tốt		Khá		Đạt		Chưa Đạt	
		SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%
6	209	80	38%	66	32%	63	30%	00	0%
7	162	52	32%	60	38%	50	30%	00	0%
8	98	32	33%	36	36%	30	31%	00	0%

Khối	Tổng số HS	CHỈ TIÊU RÈN LUYỆN							
		Tốt		Khá		Đạt		Chưa Đạt	
		SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%
6	209	205	98%	04	2%	00	00	00	00
7	162	157	97%	05	3%	00	00	00	00
8	98	93	95%	05	5%	00	00	00	00

Lớp	Tổng số học sinh	CHỈ TIÊU HỌC LỰC									
		Giỏi		Khá		TB		Yếu		Kém	
		SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%	SL	TL	SL	TL
9	175	60	34%	63	36%	52	30%	00	00	00	00

Lớp	Tổng số học sinh	CHỈ TIÊU HẠNH KIỂM							
		Tốt		Khá		TB		Yếu	
		SL	TL%	SL	TL%	SL	TL	SL	TL
9	175	170	97%	05	3%	00	0.0	00	0.0

2.2.2. Chất lượng các bộ môn (tỉ lệ % từ TB trở lên)

Khối	NV	Sử	Địa	CD	Anh	Toán	Tin	Lý	Hóa	Sinh	CN	AN	MT	TD	TN HN	GD ĐP
6	95	97	98	100	96	97	100	99	98	97	100	100	100	100	100	100
7	96	98	99	100	96	98	100	95	96	98	100	100	100	100	100	100
8	95	97	98	100	94	90	100	95	92	97	100	100	100	100	100	100
9	94	98	99	100	98	96	100	96	92	98	100	100	100	100	100	100
TC	95,0	97,5	98,5	100,0	96,0	95,3	100,0	96,3	94,5	97,5	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0

2.2.3. Chất lượng khảo sát học sinh giỏi Văn hóa và các hội thi khác

Môn thi	Đăng ký số HS đạt giải và xếp thứ đồng đội								HS đạt giải tỉnh
	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		
	Số giải	Vị thứ	Số giải	Vị thứ	Số giải	Vị thứ	Số giải	Vị thứ	
Ngữ Văn	4	1	5	1	4	2	0	0	1
Tiếng Anh	4	1	5	2	4	1	0	0	1
Toán	4	1	4	2	4	2	0	0	1
KHTN	-	-	3	3	-	-	-	-	-
Lịch sử	-	-	-	-	3	4	0	0	0
Địa lý	-	-	-	-	3	4	0	0	0
Vật lý	-	-	-	-	3	2	0	0	1
Hóa học	-	-	-	-	3	2	0	0	1
Sinh học	-	-	-	-	3	2	0	0	0
Tin học	-	-	-	-	2	4	0	0	0
Toàn đoàn	12	1	17	2	29	2	0	0	5

* Đạt giải Nhì toàn cấp THCS về Khảo sát Học sinh giỏi cấp huyện (6;7;8)

Hội thi	Tổ chức cấp huyện	Đạt giải ở huyện		Đạt giải ở tỉnh		Nhóm; Tổ CM; GV thực hiện
		Số giải	Vị thứ	Số giải	Vị thứ	
OTE	12/2023 - 02/2024	1	2	-	-	Tiếng Anh
Văn học-Học văn	12/2023 - 02/2024	1	2	-	-	Ngữ Văn
Sản phẩm STEM	12/2023 - 02/2024	3	3	-	-	Toán-Tin; KHTN; LS-ĐL
GV dạy giỏi	11;12/2023	4	3	1	-	Vật Lý, Lịch Sử, Tin học, Công nghệ Nông nghiệp

*** Giải Thể thao học sinh xếp vị thứ 3 toàn đoàn cấp huyện.**

2.3. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức dạy học

- Kế hoạch bài dạy phải bảo đảm các yêu cầu về phương pháp và kĩ thuật dạy học, bảo đảm đủ thời gian để học sinh thực hiện nhiệm vụ học tập đã đặt ra, tránh việc áp dụng hình thức và khuôn mẫu. Tiến trình dạy học được xây dựng thành các hoạt động học với mục tiêu, nội dung, sản phẩm học tập cụ thể mà học sinh phải hoàn thành, phát huy tính tự học, chủ động, sáng tạo của học sinh.

- Tăng cường ứng dụng CNTT trong việc đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra và đánh giá; trong quản lý quá trình dạy học và quản trị nhà trường; cập nhật kịp thời và chính xác về dữ liệu trên phần mềm quản lý trường học; đẩy nhanh tiến độ số hóa các tài liệu dạy học, hồ sơ quản lý và dạy học của nhà trường. Mỗi giáo viên thực hiện ít nhất 04 bài giảng điện tử trong một học kỳ.

- Tích cực UDCNTT nhưng phải đảm bảo phù hợp với nội dung bài học, khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ bài học một cách máy móc. GV chú ý phát huy các hoạt động trải nghiệm sáng tạo của học sinh và quan tâm nhiều hơn về việc giao nhiệm vụ, hướng dẫn cho học sinh học tập ở nhà.

- Tăng cường phát huy tính tích cực và sáng tạo, chú trọng rèn luyện kỹ năng và phương pháp tự học, tự nghiên cứu và vận dụng kiến thức mới cho học sinh thông qua việc giải quyết các nhiệm vụ học tập được đặt ra trong bài học; dành nhiều thời gian trên lớp cho học sinh trình bày, thảo luận, luyện tập, thực hành, giáo viên nhận xét, đánh giá, kết luận để học sinh tiếp nhận và vận dụng.

- Duy trì thường xuyên công tác dự giờ, trao đổi kinh nghiệm chuyên môn giữa các giáo viên trong nhà trường, giữa TTCM với GV, giữa các TTCM với nhau về phương pháp dạy học. Tổ chức kiểm tra, đánh giá, ghi nhận kết quả và biểu dương kịp thời những giáo viên đạt kết quả tốt trong quá trình thực hiện.

- Giáo viên cần tăng cường khai thác và sử dụng các nguồn sử liệu khác nhau để tái hiện, phục dựng lịch sử một cách khoa học, khách quan, chân thực;

đồng thời gắn với hoạt động thực hành nhằm phát triển năng lực, phẩm chất cho học sinh trong dạy học Lịch sử. Thực hiện hiệu quả CV số 3175/BGDĐT-GDTrH ngày 21/7/2022 về việc hướng dẫn đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá môn Ngữ văn ở trường phổ thông của Bộ GD&ĐT.

- Tiếp tục triển khai thực hiện giáo dục STEM trong giáo dục trung học theo hướng dẫn tại Công văn số 3089/BGDĐT-GDTrH ngày 14/8/2020 của Bộ GDĐT đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

2.4. Thực hiện hiệu quả các phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá.

- Thực hiện kiểm tra, đánh giá học sinh lớp 6;7;8 theo Thông tư số: 22/2021/TT-BGDĐT, ngày 20/7/2021 và thực hiện kiểm tra đánh giá học sinh lớp 9 theo Thông tư số: 26/2020/TT-BGDĐT, ngày 26/8/2020 của Bộ GDĐT.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá phù hợp với kế hoạch dạy học; không kiểm tra, đánh giá vượt quá yêu cầu cần đạt hoặc mức độ cần đạt của chương trình GDPT; không kiểm tra, đánh giá đối với các nội dung phải thực hiện tinh giản và các nội dung hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

- Chú trọng kiểm tra và đánh giá thường xuyên đối với tất cả học sinh thông qua các hoạt động trên lớp, qua vở học tập, qua báo cáo kết quả thực hành, thí nghiệm, qua báo cáo kết quả bài tập do giáo viên giao về nhà để làm. Khi chấm bài kiểm tra, giáo viên chú ý phải có phân nhận xét, hướng dẫn, sửa sai, động viên sự cố gắng, tiến bộ của học sinh.

- Thực hiện nghiêm túc, hiệu quả việc xây dựng đề kiểm tra giữa kỳ, cuối kỳ theo ma trận, các câu hỏi, bài tập phải đảm bảo theo 4 mức độ yêu cầu và theo tỉ lệ phù hợp giữa câu hỏi trắc nghiệm với câu hỏi tự luận. Đối với đề kiểm tra định kì thì phải soạn theo ma trận đề đã thống nhất ở tổ chuyên môn và được lưu trong hồ sơ của tổ chuyên môn. Tất cả các tổ chuyên môn phải thực hiện xây dựng ngân hàng đề kiểm tra trên phần mềm Master Test online.

- Môn Ngữ văn, thực hiện kiểm tra, đánh giá theo Công văn số 3175/BGDĐT-GDTrH ngày 21/7/2022 của Bộ GDĐT đối với khối lớp 6;7; 8, khuyến khích vận dụng kiểm tra, đánh giá theo Công văn này đối với khối lớp 9.

- Đối với các môn học, hoạt động giáo dục đánh giá bằng nhận xét, khuyến khích thực hiện việc kiểm tra, đánh giá định kì thông qua bài thực hành, dự án học tập phù hợp với đặc thù môn học, hoạt động giáo dục.

- Việc đổi mới phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá các môn học phải bảo đảm thực chất, trung thực, khách quan, công bằng, phản ánh đúng năng lực, đánh giá chính xác kết quả học tập và rèn luyện của học sinh. Tổ chức chặt chẽ, nghiêm túc, đúng quy chế ở tất cả các khâu ra đề, coi thi, chấm thi cũng như nội dung nhận xét, đánh giá học sinh.

3. Nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động giáo dục thể chất

- Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 17/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tổng thể phát triển

giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2025; Quyết định số 14/2001/QĐ-BGDĐT Ban hành quy chế GD thể chất và Y tế trường học; Quyết định số 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ GDĐT về việc tổ chức kiểm tra, đánh giá, xếp loại thể lực học sinh và lưu trữ trong suốt cấp học để gửi báo cáo về Phòng GDĐT sau khi kết thúc năm học.

- Tiếp tục triển khai thực hiện kết luận số 158/TB-BGDĐT ngày 04/3/2019 của Bộ trưởng Bộ GDĐT tại Hội nghị nâng cao chất lượng giáo dục thể chất và thể thao trường học trong ngành giáo dục. Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động thể thao học sinh, Hội khỏe Phù Đổng, công tác phòng chống đuối nước và thương tích, các trò chơi dân gian,...gắn kết với nội dung môn học Giáo dục thể chất thuộc Chương trình GDPT 2018.

- Phát hiện và bồi dưỡng kịp thời những học sinh có năng khiếu; thành lập các đội tuyển, có kế hoạch tập luyện cụ thể và tham gia đầy đủ, phấn đấu đạt giải cao ở các môn của HKPĐ hay giải TTHS do Phòng GDĐT tổ chức.

- Giáo viên dạy thể dục phải hướng dẫn cho học sinh ôn luyện bài thể dục buổi sáng, bài thể dục chống mệt mỏi và các động tác võ Cổ truyền theo quy định. Tham mưu với lãnh đạo nhà trường mua sắm kịp thời nhằm bổ sung những trang thiết bị cần thiết để phục vụ tốt cho công tác dạy và học bộ môn Thể dục.

- Tổ chức các hoạt động văn hóa-văn nghệ, thể dục-thể thao trên cơ sở tự nguyện của cha mẹ học sinh và học sinh, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi và nội dung học tập của học sinh.

4. Nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh.

- Tiếp tục triển khai Quyết định 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025”.

- Tổ chức quán triệt các văn bản của các cấp về công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau THCS. Tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức về công tác giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh ở trong và ngoài nhà trường; đổi mới phương pháp và hình thức hoạt động giáo dục hướng nghiệp, đáp ứng được mục tiêu phân luồng học sinh THCS.

- Phối hợp với các trường dạy nghề trong tỉnh để tổ chức tư vấn, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về hướng nghiệp cho tất cả học sinh, đồng thời giáo dục nâng cao nhận thức, trang bị kiến thức, kỹ năng về lựa chọn nghề nghiệp, lập nghiệp cho học sinh. Đảm bảo có ít nhất 15,0% học sinh lớp 9 tốt nghiệp THCS không đủ điều kiện vào học lớp 10 công lập tham gia học nghề tại các trường nghề ở tỉnh Quảng Nam.

5. Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 04/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh; tăng cường công tác giáo dục kỹ năng sống, đẩy mạnh văn hóa ứng xử trong trường học, quan tâm đến công tác tư vấn tâm lý cho học sinh.

- Tăng cường lòng ghép, tích hợp các nội dung giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh; giáo dục chủ quyền quốc gia về biên giới, biển đảo, quốc phòng và an ninh vào các môn học thông qua các tiết dạy trên lớp và các hoạt động trải nghiệm, ngoại khóa; đảm bảo môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường có hiệu quả; triển khai thực hiện tốt 5 điều Bác Hồ dạy cho thiếu nhi.

- Củng cố và đẩy mạnh thực hiện bộ Quy tắc ứng xử trong trường học theo Thông tư số 06/2019/TT-BGDĐT, ngày 12/04/2019 của Bộ GDĐT; triển khai thực hiện Thông tư số 33/2018/TT-BGDĐT, ngày 26/12/2018 của Bộ GDĐT hỗ trợ các em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

- Giáo viên cập nhật thông tin kịp thời, các số liệu thống kê để giảng dạy các nội dung gắn liền với thời sự quê hương, đất nước, chủ yếu đối với các bộ môn Lịch sử, Địa lý, GDGD, GDĐP. Tổ chức cho học sinh đi tham quan, học tập tại các khu di tích lịch sử, di sản văn hóa trong huyện. Tăng cường giao lưu, hợp tác nhằm thúc đẩy hứng thú học tập của học sinh, bổ sung hiểu biết về các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc và tinh hoa văn hoá thế giới.

Tổ chức các hoạt động tuyên truyền thông qua các buổi sinh hoạt dưới cờ, các hoạt động ngoại khóa, các hoạt động trải nghiệm, vui chơi, thể thao, lao động vệ sinh, chăm sóc bồn hoa cây cảnh, bảo vệ môi trường xung quanh xanh-sạch-đẹp. GVCN có thể tự thiết kế các nội dung hoạt động phù hợp với học sinh và điều kiện của lớp mình.

- Bộ phận Thư viện nhà trường xây dựng kế hoạch, thiết kế thêm các nội dung hoạt động để cho học sinh tham gia đọc sách nhiều hơn, thường xuyên tổ chức giới thiệu sách, đảm bảo ít nhất mỗi tháng 01 lần.

- Bộ phận Đội –NGLL chọn một số bài dân vũ phù hợp với lứa tuổi học sinh để tập luyện và duy trì thực hiện hoạt động này trong điều kiện thời tiết thuận lợi vào các ngày thứ 3;5 trong tuần nhằm tạo ra sự phấn khích, vui tươi, khỏe khoắn cho học sinh sau các tiết học.

6. Nâng cao chất lượng PCGD THCS

- Tăng cường phân luồng học sinh sau TNTHCS; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra, công nhận đạt chuẩn PCGD-THCS theo quy định, bảo đảm chính xác, chất lượng, hiệu quả. Tăng cường huy động các đối tượng diện PCGD-THCS đi học; nắm chắc tình hình, nguyên nhân học sinh bỏ học và trình báo cho chính quyền địa phương để có giải pháp khắc phục kịp thời.

- Đảm bảo các chỉ tiêu cụ thể như sau:

+ Tỷ lệ học sinh TNTHCS đạt 100,0%. Tỷ lệ học sinh vào lớp 10 công lập đảm bảo 85,0% trở lên. Học sinh bỏ học (0%).

+ Tỷ lệ học sinh từ 15-18 tuổi tốt nghiệp THCS đạt 98,0%

+ Tỷ lệ học sinh từ 15-18 tuổi đang học THPT, học nghề đạt 90,0%.

+ Nhà trường đạt chuẩn PCGDTHCS ở mức 3.

- Thực hiện công tác điều tra, cập nhật dữ liệu phổ cập. Đảm bảo báo cáo chính xác, kịp thời về các thông tin, số liệu trên phần mềm hệ thống PCGD; thực hiện công tác kiểm tra, báo cáo kết quả PCGD đúng thời gian và các yêu cầu của Phòng GDĐT tại Công văn số 306/PGDĐT-THCS ngày 23/8/2023 V/v hướng dẫn thiết lập hồ sơ đề nghị và kiểm tra công nhận PCGD-THCS năm 2023.

7. Tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục

7.1. Phát triển và nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, CBQLGD

a) Chuẩn hóa đội ngũ giáo viên và CBQL giáo dục

- Quản lý, đánh giá đúng quy định về đội ngũ giáo viên và CBQL giáo dục theo tiêu chuẩn chức danh chuẩn Hiệu trưởng, chuẩn nghề nghiệp giáo viên.

- Tiếp tục rà soát việc phân công chuyên môn cho đội ngũ giáo viên theo môn học, hoạt động giáo dục, nhất là giáo viên các bộ môn tích hợp, đáp ứng yêu cầu triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2018.

b) Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực giáo viên và CBQL giáo dục

- Tiếp tục tổ chức tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên, gắn nội dung tập huấn sử dụng sách giáo khoa theo Chương trình GDPT 2018 với nội dung bồi dưỡng thường xuyên và nội dung sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn trong nhà trường. Cử CB, GV tham gia đầy đủ các lớp tập huấn do cấp trên tổ chức.

- Tổ chức thi giáo viên dạy giỏi cấp trường chào mừng các ngày lễ lớn như: Đợt 1(20/11). Tham gia đầy đủ, có chất lượng các cuộc thi do ngành phát động. Phát động phong trào viết sáng kiến trong CB-GV-NV.

- Đăng ký xếp loại GV theo CNN: Loại Tốt (33/33), tỉ lệ 100 %;

- Đăng ký xếp loại chuẩn HT, PHT: Loại Tốt (2/2), tỉ lệ: 100%.

- Đăng ký xếp loại viên chức : **HTXS NV(25/38), tỉ lệ: 65,8 %; HTTNV (12/38), tỉ lệ: 31,6 %; HTNV (1/38), tỉ lệ: 2,6 %.**

c) Cơ cấu các chức danh, hội đồng trong nhà trường

* Bí thư chi bộ	Phan Văn Bình
* Hiệu trưởng	Phan Văn Bình
* Phó Hiệu trưởng	Trương Đi
* Chủ tịch Công đoàn	Doãn Thị Thu Thủy
* Bí thư Chi đoàn	Huỳnh Quang Tuyền
* Tổng phụ trách Đội	Nguyễn Thị Kim Anh
* Trưởng Ban Thanh tra Nhân dân	Trương Thị Nguyên Thủy
* Trưởng Ban Nữ công	Võ Thị Hường
* Trưởng Ban HĐNGLL	Trương Đi

* Chủ tịch Hội đồng Trường	Phan Văn Bình
* Chủ tịch HĐ TD-Khen thưởng	Phan Văn Bình
* Phụ trách Tổ Kiểm định CLGD	Phan Văn Bình-Trương Đi

* Phụ trách Tổ hỗ trợ UDCNTT	Trương Đi - Doãn Thị Thu Thủy Nguyễn Thị Kim Hoa
* Phụ trách Tổ Phổ cập GDTHCS	Trương Đi

Tên tổ CM, VP	Biên chế	Họ tên tổ trưởng	Họ tên tổ phó
Toán-Tin	7	Lương Thị Minh Phượng	Doãn Thị Thu Thủy
KHTN	7	Đặng Thanh Bảo	Nguyễn Thị Hiền
Ngữ văn	5	Nguyễn Thị Tố Nữ	Lê Văn Phương Tâm
Sử-Địa-Nghệ thuật	5	Hứa Văn Ty	Lê Thị Chánh
Tổ NN - TD	6	Phạm Thị Mỹ	Phạm Công Hà
Văn phòng	5	Lê Thị Chanh	Trần Thị Thanh Lan

7.2. Thực hiện hiệu quả công tác quản lý đội ngũ giáo viên

- Tất cả giáo viên đều được kiểm tra chuyên đề, dự giờ đánh giá tiết dạy. Có 30% giáo viên được kiểm tra toàn diện. Việc kiểm tra hồ sơ có thể tiến hành định kỳ hoặc đột xuất, số lần kiểm tra ít nhất được quy định như sau:

+ Hiệu trưởng, PHT kiểm tra hồ sơ GV 1 lần/GV/năm học.

- Tất cả GV ký cam kết không tổ chức dạy thêm, học thêm trái quy định.

- Bố trí cân đối về GV đảm bảo số lượng và chất lượng cho các môn học.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nhằm điều chỉnh những sai sót, giúp giáo viên tự kiểm tra, tự đánh giá trong việc nâng cao chất lượng giảng dạy, nâng cao năng lực chuyên môn, đáp ứng được yêu cầu về chuẩn nghề nghiệp.

- Tất cả giáo viên có sử dụng giáo án word hoặc giáo án điện tử khi lên lớp và gửi lên Vnedu, sử dụng hiệu quả sổ điểm Vnedu.

- Toàn thể CB, GV, NV đều phải chú trọng, tự giác nâng cao nhận thức và tự trao đổi kiến thức về tin học; tích cực UDCNTT trong công tác quản lý và dạy học. Tăng cường quản lý các hoạt động chuyên môn, quản lý kết quả học tập của học sinh; mối liên hệ giữa nhà trường với CMHS và cộng đồng xã hội.

+ 100% GV biết sử dụng thành thạo công nghệ thông tin trong dạy học.

7.3. Nâng cao chất lượng hoạt động chuyên môn

- Tất cả các tổ chuyên môn phải thực hiện đảm bảo các quy định về sinh hoạt chuyên môn (2 lần/tháng); tổ chức ít nhất 02 lần sinh hoạt chuyên môn/học kỳ và chú trọng theo hướng nghiên cứu bài học dựa trên hướng dẫn tại Công văn số 5555/BGDĐT-GDTrH, ngày 08/10/2014 của Bộ GDĐT.

- Các tổ chuyên môn tham gia xây dựng nguồn học liệu mở về câu hỏi, bài tập, đề thi, kế hoạch bài học, tài liệu tham khảo có chất lượng trên website của Phòng GD&ĐT tại địa chỉ <http://pgddailoc.edu.vn> và website của nhà trường tại địa chỉ <http://thcstranhungdao.edu.vn>

- Mỗi tổ chuyên môn phải thực hiện ít nhất 02 chuyên đề/chủ đề dạy học trong một học kỳ. Nội dung chuyên đề, chủ đề phải thực hiện trên lớp từ 02 tiết

học trở lên; Trước khi triển khai chuyên đề phải tổ chức dạy thử nghiệm, tổ chuyên môn dự giờ phân tích rút kinh nghiệm và hoàn thiện chuyên đề.

- Thực hiện nghiêm túc kế hoạch sinh hoạt chuyên môn cụm trường; sinh hoạt chuyên đề cấp huyện đảm bảo chất lượng tốt. Tất cả các tổ chuyên môn đều được kiểm tra, đánh giá. Hiệu trưởng, PHT kiểm tra hồ sơ tổ chuyên môn 2 lần/tổ/năm học. Tổ trưởng kiểm tra hồ sơ GV 2 lần/GV/học kì.

- + 100% GV có đủ hồ sơ theo quy định và xếp loại khá tốt (loại tốt: 90%).

- Sinh hoạt tổ chuyên môn cần tập trung vào các vấn đề đổi mới về PPDH và kiểm tra đánh giá, tăng cường ứng dụng CNTT trong dạy học, sử dụng có hiệu quả các phương tiện dạy học, thiết bị thí nghiệm, đồ dùng dạy học; tăng cường tổ chức dự giờ, trao đổi kinh nghiệm về hoạt động chuyên môn.

8. Đổi mới công tác quản lý giáo dục

- Tăng cường đổi mới quản lý việc thực hiện chương trình và kế hoạch giáo dục đã được phân cấp; củng cố kỷ cương, nề nếp trong dạy học, kiểm tra đánh giá và thi cử; nêu cao tinh thần trách nhiệm về đổi mới và sáng tạo trong quản lý, tổ chức các hoạt động giáo dục.

- Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 138/CT-BGDĐT, ngày 18/01/2019 của BGDĐT về việc hướng dẫn thực hiện các loại hồ sơ, sổ sách của tổ chuyên môn và GV từ năm học 2018-2019. Thực hiện thông tin hai chiều kịp thời, chính xác.

- Chú trọng kết hợp với Ban đại diện CMHS theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT, ngày 22/11/2011 của BGDĐT. Tổ chức huy động các khoản đóng góp tự nguyện của CMHS theo Công văn 1307/HD-SGDĐT, ngày 07/9/2015 của Sở GDĐT Quảng Nam. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa giáo dục; chủ động tham mưu với Ủy ban nhân dân các cấp có chính sách huy động các nguồn lực xã hội hóa hỗ trợ các hoạt động giáo dục của nhà trường.

- Tăng cường chuyển đổi số trong các hoạt động giáo dục tại nhà trường, sử dụng hồ sơ điện tử, sổ điểm điện tử, học bạ điện tử để nâng cao hiệu quả công tác quản lý giáo dục; thực hiện nhập số liệu, khai thác, sử dụng thống nhất dữ liệu toàn ngành về trường, lớp, học sinh, giáo viên, trường chuẩn quốc gia và các thông tin khác trong quản lý, báo cáo.

- Thực hiện nghiêm túc Chỉ thị 643/CT-BGDĐT ngày 10/6/2022 về sử dụng SGK và sách tham khảo trong các cơ sở GDPT; Quy chế công khai đối với cơ sở giáo dục, đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân ban hành kèm theo Thông tư số 36/2017/TT- BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GDĐT.

- Thực hiện công khai ngân sách nhà nước quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC.

- Tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả về công tác kiểm tra nội bộ, đó là:

+ Kiểm tra việc thực hiện chương trình GDPT 2018, thực hiện điều chỉnh chương trình giáo dục hiện hành, việc đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh;

+ Kiểm tra việc thực hiện quy chế chuyên môn, hoạt động tổ chuyên môn; tổ chức dạy học, giáo dục; thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn trường học.

+ Kiểm tra công tác quản lý tài chính, tài sản; thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập theo quy định tại Thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19/5/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

9. Đẩy mạnh công tác truyền thông

- Nâng cấp website của nhà trường để đảm bảo thực hiện thuận lợi các yêu cầu về quản lý, điều hành, lưu trữ thông tin cũng như công khai các thông tin của nhà trường đúng theo quy định.

- Tiếp tục thực hiện định kỳ hàng tháng phải có ít nhất 1 tin, bài (có hình ảnh kèm theo) phản ánh về các hoạt động giáo dục của nhà trường lên website của trường. Cung cấp các bài viết về chuyên môn nghiệp vụ, trường lớp, học sinh gửi về kênh điều hành, website hoặc qua email của Phòng GDĐT để kịp thời phản ánh, biểu dương, lan tỏa các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

- Giao cho các tổ chuyên môn, tổ hỗ trợ CNTT, CBQL, TPT Đội tích cực viết bài và đưa tin về các hoạt động của tổ, của nhà trường mỗi tháng 01 tin hoặc 01 bài viết có chất lượng và chịu trách nhiệm về tin, bài viết của mình.

10. Tiếp tục triển khai Kế hoạch xây dựng “Trường học hạnh phúc”

- Tiếp tục thực hiện Kế hoạch 4640/KH-UBND, ngày 12/8/2020 của UBND tỉnh Quảng Nam; Công văn số: 2142/SGDDĐT-GDTrH, ngày 08/12/2020 về xây dựng “Trường học hạnh phúc” trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, trong năm học 2023-2024. Gắn các mục tiêu, tiêu chí của “Trường học hạnh phúc” với việc xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động chuyên môn, dạy học trong nhà trường.

- Củng cố Ban Chỉ đạo xây dựng “Trường học hạnh phúc” của nhà trường. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức trong toàn xã hội về mục tiêu, ý nghĩa xây dựng “Trường học hạnh phúc”.

- Tiếp tục đầu tư CSVC, trang thiết bị dạy học; cải tạo môi trường sư phạm xanh, sạch, đẹp, an toàn, thân thiện và nhân ái.

- Xây dựng Quy chế phối hợp giữa nhà trường với cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể địa phương trong việc xây dựng “Trường học hạnh phúc”.

- Phát động thi đua, tôn vinh, khen thưởng các cá nhân tạo được ảnh hưởng tích cực trong hoạt động xây dựng “Trường học hạnh phúc”.

11. Tăng cường cơ sở vật chất và thiết bị dạy học, học liệu

- Tiếp nhận, quản lý, sử dụng có hiệu quả, đúng mục đích về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học được cấp, bảo đảm linh hoạt, chủ động thực hiện chương trình dạy học.

- Xây dựng quy chế, kế hoạch sử dụng trang thiết bị dạy học đảm bảo gắn rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong việc mượn trả, sử dụng, bảo quản thiết bị dạy học. Đối với các thiết bị đã hết hạn sử dụng hoặc hỏng không còn sử dụng, đề xuất thanh lý, tiêu hủy theo quy định.

- Khai thác, sử dụng triệt để ti vi, thiết bị thực hành, thí nghiệm và nguồn tài nguyên học liệu số cần bảo đảm tính chính xác, hợp pháp. Trong các buổi sinh hoạt tổ chuyên môn cần thực hiện đánh giá chất lượng, hiệu quả sử dụng tranh, ảnh, đồ dùng thiết bị được trang cấp; đề xuất, kiến nghị về chất lượng, nhu cầu sử dụng các thiết bị dạy học.

- Tiếp tục phát triển kho video bài dạy minh họa, kho học liệu điện tử, thiết bị dạy học điện tử; xây dựng tài liệu dạy học điện tử để giáo viên vận dụng tổ chức dạy học bảo đảm chất lượng và hiệu quả.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát tần suất sử dụng thiết bị dạy học của giáo viên, không để tình trạng có thiết bị dạy học mà giáo viên không sử dụng hoặc học sinh không được mượn để sử dụng. Đưa tiêu chí đánh giá công tác quản lý, bảo quản, sử dụng thiết bị giáo dục của lãnh đạo, GV, NV nhà trường vào đánh giá, xếp loại thi đua đối với tập thể, cá nhân giáo viên, nhân viên cuối năm học.

- Phát huy cao nhất vai trò tự chủ về chuyên môn của giáo viên, nhà trường trong việc tổ chức lựa chọn SGK theo quy định tại Thông tư số 25/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 của Bộ GDĐT; tổ chức giảng dạy Tài liệu giáo dục địa phương lớp 8 đúng tiến độ và nội dung đã lựa chọn.

12. Thi đua, khen thưởng

- Tổ chức thực hiện công tác thi đua khen thưởng theo đúng Luật Thi đua - Khen thưởng, Thông tư số 22/2018/TT-BGDĐT ngày 28/8/2018 của Bộ GDĐT về hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng ngành Giáo dục; các văn bản hướng dẫn hiện hành về công tác thi đua, khen thưởng; chỉ đạo, hướng dẫn của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh, của ngành Giáo dục.

- Tiếp tục thay đổi quan điểm, cách thức tổ chức về công tác thi đua, khen thưởng đối với các tổ chuyên môn, CBQL và giáo viên theo quy định.

- Cụ thể hóa các tiêu chí thi đua theo hướng dẫn của Phòng GDĐT thành các hoạt động cụ thể để thực hiện có chất lượng các mặt công tác trong nhiệm vụ năm học; đánh giá giáo viên và người lao động theo hiệu quả công tác, bảo đảm công bằng, minh bạch, tạo động lực phát triển.

- Thực hiện tốt việc khen thưởng, kỷ luật vì sự tiến bộ của học sinh; bảo đảm thực hiện đúng quy định, công bằng, công khai, minh bạch, kịp thời, tạo cảm hứng và động lực phấn đấu cho học sinh.

a) Các chỉ tiêu danh hiệu thi đua và khen thưởng đối với cá nhân

- Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh: 01/38, tỉ lệ: 2,6%;
- Chiến sĩ thi đua cơ sở: 5/38, tỉ lệ: 13,2 % ;
- Lao động Tiên tiến: 38/38, tỉ lệ: 100,0 %

+ Giấy khen của Giám đốc Sở GDĐT: 01/38, tỉ lệ: 2,6 %

+ Giấy khen của UBND huyện: 02/38, tỉ lệ: 5,3 %

b) Chỉ tiêu các danh hiệu thi đua và khen thưởng chung của tập thể

- Nhà trường: Tập thể Lao động Xuất sắc;

+ Giấy khen của UBND huyện

- Công đoàn: Hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ.

+ Giấy khen của LĐLĐ huyện.

- Liên đội : Xuất sắc tiêu biểu. Giấy khen của HĐĐ huyện.

13. Dự kiến nâng cấp cơ sở vật chất và mua sắm thiết bị dạy học, học liệu

Danh mục CSVC-TB	ĐV tính	Số lượng hiện có		Dự kiến làm mới, sửa chữa		Dự kiến kinh phí	Nguồn kinh phí
		Đạt yêu cầu	Chưa đạt	Làm mới	Sửa chữa		
1. Bàn, ghế HS	bộ	280	20	180	20	300 triệu đồng	NSNN
2. Nhà đa năng	nhà	0	0	1	0	1,5 tỉ đồng	NSNN
3. Máy vi tính T.viện	cái	5	0	5	0	40 triệu đồng	NSNN
4. Máy vi tính dạy học	cái	16	4	20	4	165 triệu đồng	NSNN
5. Tivi (> = 40 inch)	cái	15	1	10	1	150 triệu đồng	NSNN

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức lối sống

1. Mỗi Cán bộ, giáo viên, nhân viên quán triệt đúng quan điểm đường lối, Nghị Quyết chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, thể hiện qua lời nói việc làm.

2. Không ngừng học tập về lý luận chính trị và chuyên môn nghiệp vụ, luôn nâng cao đời sống tinh thần, không dao động trước những khó khăn phức tạp, sẵn sàng đấu tranh chống suy thoái về tư tưởng chính trị, phai nhạt lý tưởng, bảo vệ lẽ phải, bảo vệ việc làm đúng.

3. Giáo dục đạo đức học sinh qua việc làm cụ thể của mỗi cán bộ giáo viên, nhân viên, từ đó các em học hỏi và thể hiện tác phong của mình qua lời nói, cử chỉ, bảo vệ lẽ phải, bảo vệ tài sản trong nhà trường.

II. Công tác quản lý, chỉ đạo chuyên môn

1. Triển khai tập huấn cho CBQL và GV về Chương trình GDPT mới 2018, về đổi mới kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh, về xây dựng nội dung giáo dục địa phương.

2. Nghiêm túc triển khai nội dung bồi dưỡng thường xuyên đối với giáo viên. Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác bồi dưỡng CBQL, GV về chuyên môn và nghiệp vụ theo các chương trình bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu của chuẩn Hiệu trưởng, chuẩn nghề nghiệp giáo viên theo Thông tư 14/2018/TT-BGDĐT, ngày 20/7/2018 và Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018.

3. Lập kế hoạch và phân công nhân sự phụ trách thực hiện tổ chức kiểm tra, giám sát, góp ý điều chỉnh các hoạt động giáo dục theo kế hoạch đảm bảo thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả. Hiệu trưởng ban hành các quyết định thành lập các ban chỉ đạo khi tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục theo quy định.

4. Tiếp tục đổi mới sinh hoạt chuyên môn trong nhà trường, Cụm liên trường dựa trên nghiên cứu bài học. Chú trọng xây dựng đội ngũ giáo viên cốt cán các môn học.

5. Chủ động rà soát đội ngũ, bố trí sắp xếp để đảm bảo về số lượng, chất lượng, cân đối về cơ cấu giáo viên cho các môn học, các thành viên trong trường Phát huy vai trò tự chủ, sáng tạo trong đội ngũ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, xây dựng đội ngũ thực chất, hiệu quả, tránh đối phó.

6. Tiếp tục thiết lập kỷ cương, xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh. Mỗi CB, GV, NV phải nắm vững pháp lệnh công chức, viên chức, luật viên chức, điều lệ nhà trường trung học phổ thông... Nắm chắc chức năng nhiệm vụ của GVCN, GVBM, nội quy, quy chế chuyên môn. Tăng cường bồi dưỡng kiến thức về ứng dụng CNTT trong quản lý và dạy học; nghiên cứu khai thác các phần mềm dạy học. Thực hiện tốt các nội dung đã được tập huấn về Chương trình GDPT 2018 đối với lớp 6;7;8.

7. Nhà trường xây dựng kế hoạch kiểm tra nhằm đôn đốc, chấn chỉnh khắc phục những tồn tại hạn chế, yếu kém về quản lý, về hoạt động chuyên môn, biến quá trình kiểm tra thành quá trình tự kiểm tra, tự đánh giá của giáo viên trong việc nâng cao chất lượng giảng dạy của mình.

8. Mỗi giáo viên phải tự bồi dưỡng phát huy để phát triển chuyên môn bản thân, sử dụng phương pháp dạy học và xây dựng kế hoạch dạy học giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh, đổi mới kiểm tra, đánh giá sao cho phù hợp với trình độ năng lực học tập của học sinh, đồng thời đa dạng hóa các hình thức kiểm tra đánh giá, biết cách tư vấn và hỗ trợ học sinh.

9. Căn cứ vào Kế hoạch giáo dục của nhà trường, các tổ chức, đoàn thể, bộ phận, tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch cụ thể, phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường và tổ chuyên môn mình phụ trách, tiến hành triển khai cho tất cả thành viên trong tổ cùng thực hiện. Sau mỗi học kỳ, nhà trường tổ chức đánh giá rút kinh nghiệm, điều chỉnh bổ sung kế hoạch, nội dung và cách thức thực hiện.

III. Công tác quản lý cơ sở vật chất, thiết bị dạy

1. Đối với CSVC hiện có thì củng cố và nâng cao hiệu quả sử dụng phục vụ cho yêu cầu đổi mới PPGD và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; bảo quản các thiết bị dạy học, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động ngoài giờ. Tập trung tăng cường CSVC cho môn thể dục nhằm tạo điều kiện tốt nhất về học tập, rèn luyện thể dục thể thao, vui chơi, giải trí cho học sinh.

2. Tổ chức kiểm tra, rà soát thực trạng TBDH, có kế hoạch sửa chữa và mua sắm bổ sung kịp thời theo danh mục TBDH tối thiểu. Yêu cầu giáo viên tích cực sử dụng TBDH, đảm bảo việc dạy học có chất lượng. Bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho viên chức làm công tác TBDH. Rà soát, kiểm tra đánh giá thường xuyên thực trạng thiết bị thí nghiệm, đồ dùng dạy học để có biện pháp sửa chữa, khắc phục, bổ sung nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng.

3. Thực hiện quy chế phối hợp giữa Hiệu trưởng và Ban Chấp hành Công đoàn tạo sự nhất quán trong việc thực hiện nhiệm vụ. Tham mưu với các cấp ủy Đảng, chính quyền trong việc huy động các nguồn lực, vốn đầu tư để tu sửa, xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học.

IV. Công tác kiểm tra

1. Thực hiện nghiêm túc công tác kiểm tra nội bộ trường học, kiểm tra hoạt động sư phạm, thực hiện quy chế chuyên môn,...

2. Tăng cường kiểm tra việc sử dụng ĐDDH, phòng học bộ môn, ứng dụng CNTT và sử dụng các phương tiện hiện đại trong dạy học.

V. Chế độ thông tin báo cáo

1. Tổ chuyên môn, đoàn thể, các bộ phận công thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ về lãnh đạo nhà trường, đảm bảo tiến độ thực hiện kế hoạch, kịp thời phản ánh những khó khăn, vướng mắc, phát sinh để cùng tháo gỡ, khắc phục. Thực hiện công khai các hoạt động giáo dục trên Website của nhà trường để phối hợp với địa phương, PHHS nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục.

2. Thiết lập đầy đủ các loại hồ sơ, sổ sách theo đúng quy định, sử dụng lưu trữ và bảo quản. Các tổ chuyên môn, bộ phận theo dõi thống kê, tổng hợp và báo cáo kịp thời các mặt hoạt động của nhà trường cũng như những khó khăn hoặc nhiệm vụ phát sinh về lãnh đạo nhà trường và cấp trên.

3. Phân công Phó Hiệu trưởng cùng tổ trưởng chuyên môn kiểm tra việc thực hiện kế hoạch giảng dạy kiểm tra hồ sơ chuyên môn cá nhân, tập trung kiểm tra nội dung, phương pháp giảng dạy của GV thông qua các giờ dạy, các hoạt động trải nghiệm, các chuyên đề, sinh hoạt tổ chuyên môn.

VI. Công tác quản lý tài chính

1. Hoàn thiện, điều chỉnh và cập nhật những quy định mới cũng như các khoản chi trong quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường. Đảm bảo bao quát được hết các khoản chi phát sinh mang tính chất thường xuyên và trong phạm vi mức

khung định mức do Nhà nước ban hành, phù hợp với tài chính của nhà trường.

2. Chi đủ, đúng các chế độ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, chi đủ các hoạt động phong trào cũng như bổ sung các đồ dùng dạy học theo quy chế chi tiêu nội bộ.

3. Công khai chi tiết các khoản thu và chi. Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ việc đối chiếu hàng tháng./.

PHÊ DUYỆT CỦA HỘI ĐỒNG TRƯỜNG

Hội đồng trường THCS Trần Hưng Đạo đã hoàn toàn thống nhất với các nội dung trong Kế hoạch giáo dục nhà trường, năm học 2023 – 2024 .

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TRƯỜNG

(đã ký)

HIỆU TRƯỞNG
Phan Văn Bình

CHỮ KÝ THÀNH VIÊN CỦA HỘI ĐỒNG TRƯỜNG ĐÃ ĐƯỢC THÔNG QUA KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG 2023-2024

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh	Chữ ký
1	Phan Văn Bình	BTCB - HT	CT Hội đồng	
2	Trương Đi	PBTCB-PHT	Thành viên	
3	Doãn Thị Thu Thủy	CTCĐCS	Thành viên	
4	Thái Ngọc Ôi	P.CTUBND xã	Thành viên	
5	Lương Thị Minh Phượng	TTCM	Thành viên	
6	Đặng Thanh Bảo	TTCM	Thành viên	
7	Phạm Thị Mỹ	TTCM	Thành viên	
8	Nguyễn Thị Tố Nữ	TTCM	Thành viên	
9	Hứa Văn Ty	TTCM-Thư ký	Thành viên	

10	Lê Thị Chanh	TTVP	Thành viên	
11	Huỳnh Quang Tuyền	BTCD	Thành viên	
12	Lê Quang Hải	TB.ĐDCMHS	Thành viên	
13	Nguyễn Thị Quế Trâm	HS-Lớp trưởng	Thành viên	

PHÊ DUYỆT CỦA LÃNH ĐẠO PHÒNG GDĐT HUYỆN

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

TRƯỞNG PHÒNG